

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ CỦA TRI THỨC ĐỊA PHƯƠNG Ở CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

Ngô Văn Lệ⁽¹⁾ – Võ Tấn Tú⁽²⁾

(1) Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP.HCM,

(2) Trường Đại học Đà Lạt

TÓM TẮT

Các tộc người trong quá trình hình thành và phát triển đã sáng tạo một phức hợp văn hóa phù hợp với trình độ phát triển kinh tế xã hội. Phức hợp văn hóa đó góp phần làm nên bản sắc văn hóa của một tộc người, mặt khác, là sức mạnh để tộc người đó vượt qua những khó khăn thử thách. Văn hóa của một tộc người bị chi phối bởi điều kiện tự nhiên và môi trường xã hội. Tính đa dạng văn hóa Việt Nam, ngoài sự khác biệt về nguồn gốc của các tộc người, còn là sự khác biệt của hệ sinh thái nhân văn. Bài viết của chúng tôi trình bày về việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa của các tộc người tại chỗ (văn hóa địa phương, văn hóa dân gian) trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: tri thức địa phương, tộc người, thiểu số, giá trị

1. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII nhấn mạnh: “Di sản văn hoá là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc cốt lõi của bản sắc văn hoá dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hoá. Cần phải hết sức coi trọng bảo tồn, phát huy những giá trị văn hoá truyền thống”. Các tộc người trong tiến trình lịch sử của mình đều sáng tạo một phức hợp văn hoá tạo nên nét riêng của mình (bản sắc). Trong bối cảnh hiện nay toàn cầu hoá như là một xu thế tất yếu thì việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống đòi hỏi mỗi tộc người thấy được sức mạnh và giá trị của văn hoá truyền thống. Trên tinh thần một nhận thức như vậy về vai trò, vị trí của văn hoá truyền thống trong bối cảnh toàn cầu hoá, hội nhập và phát triển, chúng tôi trình bày một số suy nghĩ trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống, mà ở đây là tri thức địa phương (tri thức dân gian, tri thức bản địa).

Các tộc người thiểu số ở Việt Nam có sự phát triển không đồng đều, nên có những khác biệt trong đời sống kinh tế, xã hội. Nhưng trong phát triển văn hóa, thì mỗi tộc người, trong suốt chiều dài lịch sử của mình đã sáng tạo một phức hợp văn hóa, góp phần làm phong phú văn hóa Việt Nam đa tộc người. Trong kho tàng văn hóa của mỗi tộc người, tri thức địa phương, một mặt, góp phần làm nên tính đa dạng, phong phú văn hóa của các tộc người, mặt khác, chính tri thức địa phương làm nên sự khác biệt văn hóa giữa các tộc người.

2. Trong những năm gần đây khi nghiên cứu về các tộc người thiểu số ở từng quốc gia nói riêng và các nước đang phát triển nói chung thì những vấn đề có liên quan đến tri thức địa phương cũng như vai trò của tri thức địa phương trong phát triển và phát triển bền vững được chú ý. Tại sao lại như vậy? Kinh nghiệm phát triển của nhiều quốc gia châu Á và châu Phi (các

nước đang phát triển) trong những thập kỷ qua cho thấy cách tiếp cận khoa học và công nghệ phương Tây không đủ đáp ứng những thách thức về kinh tế, xã hội, môi trường... mà ngày nay chúng ta đang phải đương đầu như tài nguyên thiên nhiên bị khai thác cạn kiệt, môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng, biến đổi khí hậu tác động mạnh mẽ tới tất cả các vùng miền, đói nghèo, bệnh tật và sự phân hóa giàu nghèo tiếp tục diễn ra mạnh mẽ không chỉ diễn ra trên bình diện toàn thế giới, mà ở từng quốc gia, từng dân tộc, từng tộc người, vấn đề an ninh lương thực, vấn đề xung đột tộc người, tôn giáo (do những khó khăn về trình độ phát triển kinh tế, xã hội các tộc người thiểu số dễ bị tổn thương bởi các dự án phát triển). Ngược lại, rất nhiều kỹ thuật, những kinh nghiệm truyền thống (những tri thức bản địa) đã đưa lại hiệu quả cao, được thử thách và chọn lọc trong một thời gian dài, có sẵn tại địa phương phù hợp với phong tục tập quán của các tộc người đã từng có vai trò rất quan trọng trong đời sống của họ, lại không được vận dụng. Ngày nay, trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa và toàn cầu hóa (như là những mục tiêu cần hướng tới và đạt tới, là chuẩn mực của một xã hội phát triển của hầu hết các quốc gia-dân tộc, nhất là ở những quốc gia đang phát triển), thì những tri thức của các tộc người thiểu số được tích lũy trong quá trình hình thành phát triển của họ liệu có ý nghĩa và vai trò như thế nào trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa, cũng cần tìm lời giải. Tuy nhiên, để trả lời thỏa đáng một câu hỏi mà thiếu những nhận thức cũng như kết quả nghiên cứu về tri thức bản địa tại các địa phương khác nhau và ở các tộc người khác nhau sinh sống tại địa phương là điều không thể thực hiện trong

một nghiên cứu. Để có thể góp một tiếng nói giúp làm rõ vai trò của tri thức địa phương trong đời sống của các tộc người thiểu số, cần thiết nêu một số đặc điểm chung nhất về tri thức bản địa. Cho đến nay, dù đã có nhiều bài viết, các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến tri thức địa phương được xuất bản, nhưng vẫn chưa có một tiêu chí xác định. Sự không nhất trí cao của các nhà khoa học trong lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn trong nhiều vấn đề (như tiêu chí xác định thành phần tộc người, thế nào là văn hóa...) không phải là vấn đề mới. Bởi do tính đặc thù của mình các ngành khoa học xã hội và nhân văn luôn gắn với lợi ích quốc gia dân tộc... nên việc nhìn nhận một vấn đề nào đó liên quan đến các ngành khoa học xã hội và nhân văn cũng được nhìn nhận từ các góc độ khác nhau. Chính vì vậy một vấn đề liên quan tới các ngành khoa học xã hội và nhân văn sẽ được nhìn nhận từ các góc độ khác nhau và đưa đến những cách gọi khác nhau. Khi nói đến hệ thống các tri thức đặc trưng của các cộng đồng người địa phương liên quan đến cách ứng xử của cộng đồng cư dân này với môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh, có các cách gọi như: tri thức bản địa, tri thức kỹ thuật truyền thống, sinh thái dân tộc học, tri thức địa phương, tri thức dân gian, tri thức truyền thống về môi trường.

3. Văn hóa của một tộc người bao gồm những thành tố (component) khác nhau. Có những thành tố được hình thành trong quá trình đấu tranh sinh tồn chống thiên nhiên khắc nghiệt và chống sự xâm lăng từ bên ngoài để bảo vệ sự sống còn của chính tộc người đó, của chính nền văn hóa đó. Cũng có những thành tố văn hóa được tiếp nhận từ bên ngoài do quá trình giao lưu văn hóa. Trong tiến trình phát triển của mình, như là một quy luật, sự sáng tạo văn hóa của một

tộc người thường ít hơn rất nhiều những gì mà chính tộc người đó sáng tạo. Thí dụ có nhiều tộc người hoặc nhóm tộc người tiếp nhận một tôn giáo nào đó. Nhưng tất cả các tôn giáo, dù là tôn giáo thế giới hay khu vực, đều ra đời ở một địa điểm cụ thể, sau đó nhờ hoạt động của các nhà truyền giáo, tôn giáo đó đến với các cộng đồng dân cư khác nhau. Thí dụ như Phật giáo ra đời ở Ấn Độ, sau đó mới truyền sang các vùng lãnh thổ khác. Ngày nay, tín đồ Phật giáo có mặt ở nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong trường hợp tiếp nhận Phật giáo của các tộc người, như chúng ta thấy, thực chất là tiếp nhận những giá trị văn hóa mới, làm thay đổi đời sống mọi mặt của các cộng đồng dân cư. Bởi vì, các tôn giáo đều có giáo luật, giáo lý quy định hành vi ứng xử của các tín đồ, chức sắc đối với con người và đối với tự nhiên. Những hành vi ứng xử đó được các tín đồ, chức sắc thực hiện mỗi ngày trở thành thói quen, tạo nên nét văn hóa riêng. Những nét văn hóa (những thói quen) đó được truyền dẫn từ thế hệ này đến thế hệ khác góp phần làm nên những nét văn hóa riêng của chính cộng đồng đó trong so sánh với các cộng đồng dân cư khác không theo đức tin đó. Những nét văn hóa của cộng đồng theo một tôn giáo sẽ có sự khác biệt so với các cộng đồng không theo tôn giáo đó được thể hiện cả trong văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Một cộng đồng dân cư tiếp nhận các thành tố văn hóa từ ngoài du nhập vào có nhiều cách khác nhau. Sự tiếp nhận các thành tố văn hóa ngoại nhập, dù biểu hiện dưới hình thức như thế nào, cũng đều được thể hiện ở các cách thức khác nhau, có thể là bằng con đường trực tiếp cũng có thể bằng con đường gián tiếp. Trong nhiều trường hợp, sự du nhập của các tôn giáo vào các cộng đồng dân cư thường bằng con đường hòa

binh. Các nhà truyền giáo đi đến các địa phương khác nhau. Bằng đức tin của mình, các nhà truyền giáo đã cảm hóa những cư dân địa phương. Cũng có những trường hợp, như trường hợp Islam trong quá trình mở rộng tầm ảnh hưởng của mình, đã dùng bạo lực để áp đặt đức tin đối với các tộc người bị xâm lược. Cũng không ít những trường hợp sự giao lưu tiếp nhận văn hóa giữa các tộc người lại diễn ra thông qua trao đổi hàng hóa. Tiếp nhận văn hóa giữa các tộc người diễn ra trong suốt chiều dài lịch sử. Tuy nhiên, như là một quy luật các tộc người chỉ tiếp nhận những gì mà họ không có (có chọn lọc) và những thành tố văn hóa đó phải được bản địa hóa (dân tộc hóa). Vì vậy, ngay cả trong trường hợp bị đồng hóa cưỡng bức văn hóa, thì các tộc người bị cưỡng bức vẫn giữ được một số yếu tố riêng, để trong trường hợp có điều kiện họ có thể khôi phục được những yếu tố văn hóa truyền thống. Nhưng muốn cho một thành tố văn hóa ngoại nhập, thì các thành tố văn hóa đó phải được bản địa hóa (dân tộc hóa), không bao giờ xảy ra sự tiếp nhận mà không có chọn lựa. Văn hóa của một tộc người luôn có những thay đổi. Sự thay đổi này xảy ra trong suốt chiều dài lịch sử, do tác động của các nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau. Văn hóa của bất kỳ một tộc người nào, như là một vấn đề có tính quy luật. Đó là, vào thời điểm nghiên cứu, thì trong một nền văn hóa bao giờ cũng những thành tố văn hóa của ngày hôm qua (quá khứ) tồn tại ở dạng tàn dư, văn hóa của thời hiện tại. Và trong lòng của nền văn hóa hiện tại cũng xuất hiện những nhân tố (mầm mống) để hình thành những thành tố văn hóa mới. Những thay đổi đó tùy thuộc rất nhiều vào các nhân tố (nguyên nhân) nội sinh (chủ quan) và ngoại sinh (khách quan). Biến đổi văn hóa xảy ra ở

hầu hết các tộc người, nhưng sẽ không có một mô hình nhất định. Sự biến đổi đó nhanh hay chậm, theo chiều hướng tích cực hay không tích cực phụ thuộc vào những nhân tố khách quan và chủ quan khác nhau. Trong những quốc gia đa tộc người biến đổi văn hóa của các tộc người thường do những chính sách phát triển kinh tế, xã hội dẫn đến những biến đổi sâu sắc văn hóa của các tộc người sinh sống trong những quốc gia đó. Khi dân cư trên một địa bàn tăng nhanh, mà thành phần dân cư thuộc các tộc người khác nhau cũng là nguyên nhân dẫn đến những biến đổi văn hóa của các tộc người. Ở Tây Nguyên vào năm 1976 có 1200.000 người sinh sống trên địa bàn 5 tỉnh. Vào thời điểm đó, ngoài 12 tộc người tại chỗ còn có người Việt. Quá trình giao lưu văn hóa giữa các tộc người trên địa bàn diễn ra, do việc cùng tham gia vào hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Đặc biệt sau năm 1975, do thực hiện chính sách phát triển kinh tế, xã hội, phân bố lại lao động (dân cư) trên phạm vi cả nước, dẫn đến di dân có tổ chức và di dân tự do đến Tây Nguyên, làm cho bức tranh tộc người thay đổi một cách căn bản. Hiện nay, ở Tây Nguyên người Việt chiếm đến 70% dân số, cư dân tại chỗ chiếm 23%, còn các tộc người thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc chiếm 7% (Nguyễn Tuấn Triết). Sự gia tăng thành phần tộc người trên một địa bàn dân cư dẫn đến hình thức sống xen kẽ cũng gia tăng. Quá trình giao lưu văn hóa gia tăng mạnh mẽ giữa các tộc người có sự khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ..., làm thay đổi văn hóa của cư dân tại chỗ, trong đó có tri thức bản địa.

4. Trong tổng thể văn hóa của một tộc người, dù tri thức địa phương có đa dạng phong phú như thế nào, có vị thế như thế nào đối với văn hóa tộc người, thì xét cho

cùng cũng chỉ là một thành tố văn hóa của một tộc người. Do tri thức địa phương luôn gắn liền với một cộng đồng cư dân và một địa bàn cụ thể, nên dẫn đến tính đa dạng văn hóa của một tộc người. Tri thức địa phương có vai trò nhất định trong đời sống văn hóa của một tộc người. Bởi tri thức địa phương là những kiến thức, kinh nghiệm được tích lũy và truyền dẫn qua nhiều thế hệ góp phần làm phong phú văn hóa của một tộc người. Vậy phải làm gì để bảo tồn và phát huy giá trị của tri thức địa phương trong bối cảnh hiện nay? Đây là một vấn đề có tính nguyên tắc ở tất cả các nước trên thế giới, nhất là ở các nước đang phát triển, nơi có xuất phát điểm thấp so với các nước khác và với những truyền thống văn hóa của mình. Muốn phát triển kinh tế, xã hội để hội nhập vào dòng chảy chung của nhân loại thì không thể giữ nguyên mô hình tổ chức xã hội truyền thống (văn hóa truyền thống), nhưng phát triển mà không giữ được chính mình, thì không một tộc người nào, một quốc gia nào lại mong muốn có một kết cục như vậy. Phát triển và phát triển bền vững kinh tế, xã hội, đảm bảo công bằng xã hội, an ninh con người đã và đang là xu hướng chủ đạo của các quốc gia trên thế giới. Việc thực hiện những chính sách trong phát triển kinh tế, xã hội hiện nay ở các nước là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những thay đổi của đời sống kinh tế xã hội của cả nước, của từng vùng, của một tộc người, đặc biệt những thay đổi diễn ra mạnh mẽ ở các tộc người thiểu số.

Quá trình hình thành cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam gắn liền với quá trình mở rộng lãnh thổ, xác lập chủ quyền, thực thi chủ quyền, bảo vệ chủ quyền cùng với quá trình di dân từ Trung Quốc sang, làm cho thành phần tộc người ở nước ta khá đa dạng. Một quốc gia đa tộc người thường là

quốc gia đa văn hóa. Những cuộc di dân lớn nhỏ diễn ra trong thời gian dài, cùng với công cuộc dựng nước và giữ nước dẫn đến sự cộng cư của các thành phần tộc người trên một địa phương. Cũng do sinh sống trên các địa bàn khác nhau, nên các tộc người tích lũy những tri thức địa phương khác nhau, góp phần làm phong phú văn hóa của từng tộc người, của văn hóa Việt Nam. Các tộc người thiểu số ở nước ta chủ yếu cư trú ở miền núi. Đây là địa bàn chiến lược có vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là nơi có tiềm năng mọi mặt để góp phần xây dựng đất nước. Tuy nhiên, đây cũng là vùng có nhiều khó khăn trong đầu tư phát triển kinh tế, xã hội, nơi còn bảo lưu nhiều nét của đời sống văn hóa, rất bất cập trong xây dựng hiện nay. Vì vậy, ở Việt Nam, do đặc điểm lịch sử, kinh tế, xã hội, mà trong chính sách phát triển kinh tế, xã hội luôn giành những ưu tiên có thể có được cho phát triển kinh tế các tỉnh miền núi, nơi các tộc người thiểu số sinh sống. Những chính sách phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa được triển khai khá đồng bộ ở các tỉnh miền núi. Việc người dân ở các tỉnh miền núi trực tiếp tham gia vào quá trình thực hiện các chính sách phát triển kinh tế, xã hội đã dẫn đến những thay đổi trong đời sống của đồng bào. Như chúng ta đều biết, phần lớn các tộc người thiểu số ở nước ta cư trú chủ yếu ở miền núi. Hoạt động kinh tế chính của đồng bào là săn bắn hái lượm (hoạt động kinh tế tước đoạt) phụ thuộc vào những điều kiện tự nhiên (phụ thuộc vào đất rừng) nơi đồng bào cư trú. Trong quá trình khai thác đất rừng để phát triển đồng bào đã tích lũy được những kinh nghiệm (những tri thức) để khai thác đất rừng một cách hiệu quả hơn. Nhưng muốn phát triển kinh tế, xã hội, thì không thể duy

trì mãi cuộc sống du canh, du cư, mà phải ổn định cuộc sống, phải tổ chức lại đời sống của cộng đồng, của từng gia đình, phải định canh, định cư. Khi thực hiện chủ trương định canh, định cư đã dẫn đến những thay đổi căn bản trong đời sống kinh tế, văn hóa của các tộc người thiểu số. Những thay đổi đó được thể hiện ở các khía cạnh khác nhau của đời sống kinh tế, xã hội và văn hóa của đồng bào. Trước hết, do định canh, định cư, nên đồng bào phải ở cố định, không thể di chuyển như trước. Nếu như trước đây, vì lý do nào đó phải di chuyển làng, thì già làng sẽ là người có trách nhiệm xem xét đi tìm một địa bàn lập làng theo truyền thống văn hóa của cộng đồng. Địa điểm lập làng phải đáp ứng các yêu cầu tâm linh, như là một yêu cầu số một của quy trình lập làng. Còn bây giờ, khi thực hiện chủ trương định canh, định cư các già làng không thể tự mình đi tìm đất để lập làng như trước, công việc này đã có nhà nước lo. Nhà nước, trên cơ sở xây dựng chiến lược phát triển chung cho một vùng, đã quy hoạch đất ở, đất canh tác, đất cho xây dựng các công trình phúc lợi một cách rõ ràng. Những kinh nghiệm (những tri thức bản địa) được tích lũy trong cộng đồng trong việc tìm đất lập làng sẽ không có điều kiện được thể hiện, khi mà những điều kiện để thể nghiệm các kinh nghiệm truyền thống (những tri thức bản địa) không còn nữa. Trong hoạt động sản xuất cũng có nhiều thay đổi. Trồng trọt nương rẫy sẽ rất khác với hoạt động kinh tế mới như kỹ thuật làm đất, các loại giống cây trồng, vật nuôi, việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong chăm sóc các loại cây trồng, vật nuôi cũng như trong thu hoạch, bảo quản. Như vậy có thể thấy, tri thức bản địa được tích lũy trong đời sống cộng đồng vẫn còn đó, nhưng do chuyển từ du canh, du cư

sang định canh, định cư đã làm thay đổi phương thức sống của cả một cộng đồng. Cùng với việc chuyển đổi phương thức sống (từ du canh, du cư sang định canh định cư) mới cũng làm thay đổi không gian văn hóa truyền thống (không còn gắn bó với đất rừng như xưa). Trong cùng một không gian sinh tồn, giờ đây không còn tính thuần nhất về thành phần tộc người, mà đã xuất hiện những nhóm dân cư thuộc các tộc người khác, dẫn đến giao lưu văn hóa.

Ngoài các chính sách phát triển kinh tế, xã hội đã làm thay đổi đời sống của các cộng đồng dân cư, mà ở đây là các tộc người thiểu số, một nguyên nhân khác cũng góp phần làm thay đổi văn hóa tộc người (tri thức bản địa). Đó là việc thực hiện các chủ trương chính sách có liên quan đến lĩnh vực giáo dục, chăm sóc y tế. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói, giặc đói cũng như giặc ngoại xâm. Vì vậy, một dân tộc đói không thể là một dân tộc mạnh. Muốn phát triển kinh tế xã hội, muốn thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu phải nâng cao dân trí. Do tầm quan trọng của giáo dục đối với sự phát triển của đất nước, nên Nhà nước ta luôn nhất quán trong việc thực hiện nhiệm vụ này. Trong những năm kháng chiến chống Pháp cũng như trong kháng chiến chống Mỹ, mặc dù nhiệm vụ hàng đầu là đánh thực dân đế quốc, nên nguồn lực cho nhiệm vụ này được ưu tiên tối đa. “Tất cả cho tiền tuyến”, “Tất cả cho chiến thắng” hay “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người” không chỉ là khẩu hiệu hiệu triệu, mà là hành động của mỗi địa phương, mỗi tổ chức chính trị xã hội. Tuy tập trung tối đa sức người và sức của cho công cuộc kháng chiến, nhưng nhà nước ta vẫn quan tâm một cách đúng mức đến sự nghiệp giáo dục (những năm 50 của thế kỷ XX cử nhiều học sinh sang học ở các nước xã hội chủ

nghĩa). Nhờ chính sách đúng đắn đó, mà sau khi hòa bình lập lại đã có một đội ngũ trí thức nắm vững khoa học kỹ thuật phục vụ xây dựng đất nước, phát triển kinh tế và chuẩn bị cho công cuộc chống Mỹ. thực hiện chính sách giáo dục đã góp phần nâng cao dân trí cho toàn xã hội, trong đó có đồng bào thiểu số. Thực hiện xóa nạn mù chữ, ưu tiên cho con em đồng bào các tộc người thiểu số đến trường, đã đem lại những thay đổi trong đời sống cộng đồng. Cùng với giáo dục, việc mở rộng mạng lưới y tế phục vụ cộng đồng cũng làm thay đổi nếp sống của đồng bào. Những phong tục tập quán gắn liền với mê tín dị đoan ngày một hạn chế. Chăm sóc sức khỏe, nhất là chăm sóc sức khỏe trẻ sơ sinh và sản phụ, làm cho tỷ lệ tử vong giảm, đã góp phần thay đổi căn bản nhiều phong tục tập quán của đồng bào, những tri thức địa phương được tích lũy qua thời gian không còn phát huy được trong bối cảnh hiện đại. Như vậy có thể thấy, việc nâng cao dân trí và mở rộng mạng lưới y tế đã góp phần làm thay đổi nhiều khía cạnh của đời sống cộng đồng, trong đó có tri thức địa phương về chăm sóc sức khỏe.

Việc tiếp nhận tôn giáo mới (chủ yếu là Tin Lành) cũng dẫn đến những thay đổi đời sống văn hóa của cộng đồng. Trong xã hội truyền thống việc theo và thực hành các nghi lễ tín ngưỡng (tôn giáo) là nhu cầu tâm linh của các tộc người thiểu số. Tín ngưỡng tôn giáo ra đời chính là chỗ dựa tinh thần, khi con người gặp những khủng hoảng không thể giải quyết được trong cuộc sống, nên phải dựa vào các thế lực siêu nhiên. Nhu cầu này phần lớn do điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh kinh tế, xã hội tạo nên. Ở Việt Nam, các tộc người thiểu số sinh sống chủ yếu ở miền núi, nơi có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, cuộc sống phụ

thuộc vào tự nhiên. Bất lực trước các hiện tượng tự nhiên con người cần đến sự hỗ trợ của hệ thống thần linh đông đảo (đa thần). Do vậy, trong một khoảng thời gian dài, đời sống xã hội của các tộc người thiểu số luôn tồn tại một hệ thống các thần linh. Tuy nhiên, những biến động trong đời sống kinh tế, xã hội, của các tộc người thiểu số (như sự xuất hiện của người Việt, người Pháp, những yếu tố văn hóa mới...) đã làm mất dần vai trò của hệ thống tín ngưỡng truyền thống. Trong hoàn cảnh đó, họ phải tìm đến một đức tin mới, nhằm bù đắp lại sự thiếu hụt trong đời sống tâm linh. Đạo Tin Lành là một tôn giáo gắn với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, gắn liền với xã hội hiện đại, nhưng có nghi lễ đơn giản, không cầu kỳ, không rườm rà như những nghi lễ truyền thống. Nội dung giáo lý, thực hành nghi lễ có nhiều yếu tố phù hợp với khả năng tiếp nhận và đáp ứng nhu cầu tôn giáo của các tộc người thiểu số trong hoàn cảnh mới với sự biến đổi nhanh của tình hình kinh tế, xã hội, văn hóa, nên dễ dàng được người dân tiếp nhận. Một nguyên nhân khác cũng góp phần dẫn đến sự tiếp nhận đức tin mới là trong những năm kháng chiến chống Mỹ, việc cả hai phía thực thi các chính sách của mình đã tác động đến đời sống của các tộc người thiểu số. Những nhóm dân cư hoặc tham gia kháng chiến, hoặc vào các khu dồn dân, áp chiến lược. Điều này dẫn đến khu vực cư trú truyền thống không được duy trì, cấu trúc xã hội truyền thống bị thay đổi, không gian và môi trường sống hoàn toàn bị phá vỡ. Mặt khác, trong bối cảnh mới bộ máy tự quản không còn vận hành trên cơ sở luật tục như trước đây, mà thay vào đó là sự quản lý của bộ máy chính quyền. Cùng với những thay đổi của đời sống xã hội, hoạt động kinh tế cũng có những thay đổi theo.

Không còn không gian văn hóa truyền thống, không còn đất rừng như xưa, nên cũng không có săn bắn hái lượm, để bảo đảm đời sống họ phải trồng các loại cây, con mới, cách thức chăm sóc, thu hoạch, bảo quản, chế biến cũng khác. Những thay đổi đó làm cho người dân khủng hoảng, hụt hẫng trong tinh thần. Họ bối ngỡ, bất an trước tình hình mới. Những nghi lễ truyền thống vừa nhiều, lại rườm rà tốn kém, không còn phù hợp trong bối cảnh mới. Trong bối cảnh đó, những tín ngưỡng truyền thống không còn đáp ứng được nhu cầu giảm đi những lo toan hàng ngày. Và Tin lành với những nghi thức đơn giản, ít tốn kém, lại đề cao vai trò cá nhân, tôn trọng dân chủ đã du nhập vào đời sống của đồng bào các tộc người thiểu số như là một thành tố văn hóa mới với những khác biệt trong niềm tin, trong tổ chức đời sống đã tác động mạnh mẽ đến đời sống mọi mặt của các tộc người. Bởi vì, tôn giáo mới có giáo luật, giáo lý quy định các hành vi ứng xử của chức sắc tín đồ trong mối quan hệ với tự nhiên, xã hội với những cộng đồng cư dân.

Như vậy có thể thấy, bằng việc thực hiện các chính sách phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa cùng với việc nâng cao dân trí, mở rộng mạng lưới y tế, sự du nhập tôn giáo mới đã làm thay đổi đời sống mọi mặt của các tộc người thiểu số. Là một thành tố văn hóa tộc người, tri thức bản địa đã góp phần làm phong phú văn hóa tộc người. Nhưng tri thức địa phương lại gắn liền với một địa bàn cụ thể, nên khi văn hóa của một tộc người thay đổi, thì tri thức địa phương cũng thay đổi. Là một thành tố văn hóa tộc người, tri thức địa phương không chỉ góp phần làm phong phú văn hóa của một tộc người, mà còn góp phần ổn định xã hội, thúc đẩy phát triển xã hội. Nhưng chúng ta cũng lại thấy tri thức địa phương

ngày một mất dần vị trí của mình trong đời sống của đồng bào. Vậy phải làm gì để có thể bảo tồn và phát huy những giá trị truyền thống của tri thức địa phương trong bối cảnh hiện nay? Để có thể bảo tồn và phát huy những giá trị của tri thức địa phương trong bối cảnh hiện nay, chúng tôi đề nghị.

1. Phải nghiên cứu toàn diện tri thức địa phương của các tộc người sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam

Muốn bảo tồn và phát huy các giá trị của tri thức địa phương trong bối cảnh hiện nay trước hết phải có những đánh giá khách quan và khoa học giá trị của tri thức nói chung, tri thức địa phương nói riêng, trong đời sống của từng tộc người. Vì “tri thức bản địa mang tính địa phương, bắt nguồn từ một địa điểm cụ thể, là những kinh nghiệm được những cư dân sống tại các địa điểm đó đúc kết được...”, như vậy không có tri thức địa phương chung chung. Do vậy, phải tổ chức nghiên cứu một cách toàn diện những giá trị của tri thức địa phương trong việc góp phần làm phong phú văn hóa của một tộc người. Hiện nay, ở Việt Nam có 54 thành phần tộc người. Các tộc người đều có lãnh thổ, nơi tập trung tương đối đồng đều, thí dụ người Thái chủ yếu ở các tỉnh Tây Bắc, người Tày, Nùng ở Đông Bắc, còn người Mường ở Hòa Bình, Phú Thọ, Thanh Hóa, người Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận, người Êđê ở Đắk Lắk, người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long, nhưng tập trung nhiều ở Sóc Trăng, Trà Vinh... Nghiên cứu tri thức địa phương của các tộc người thiểu số còn góp phần nghiên cứu văn hóa của các tộc người sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam. Bởi tri thức địa phương là sản phẩm của một cộng đồng cư dân cùng sinh sống trên một địa bàn, chính trong bối cảnh cụ thể đó họ đã sáng tạo một phức hợp văn hóa nhằm phát triển cộng

đồng, mà tri thức là một trong nhiều thành tố góp phần làm phong phú văn hóa của một tộc người. Tuy nhiên, về cơ bản là các tộc người sống xen kẽ. Địa bàn phân tán, dẫn đến tích lũy kinh nghiệm khác nhau, hình thành tri thức tại các địa phương cũng khác nhau. Vì tri thức địa phương được hình thành trong những điều kiện tự nhiên và môi trường cụ thể. Nghiên cứu tri thức địa phương của một tộc người cụ thể đã là một vấn đề không đơn giản, còn trong những điều kiện cư dân sống phân tán, thì khó khăn lại bội phần. Mặt khác, tri thức địa phương của một tộc người lại luôn thay đổi, nên việc nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện về tri thức địa phương cũng rất khó khăn. Nhưng không nghiên cứu thì không thể hiểu và biết về tính đa dạng và phong phú của tri thức địa phương. Mà một khi không có hiểu biết về tri thức địa phương, sẽ không thấy được giá trị của tri thức trong đời sống văn hóa, trong việc ổn định phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tộc người. Một sự hiểu biết không đến nơi, đến chốn về một lĩnh vực văn hóa, thì cũng khó có cách ứng xử đúng và đương nhiên cũng thiếu những cơ sở khoa học để đề xuất và bảo tồn những giá trị truyền thống trong bối cảnh hiện nay. Trong thực tế khi nghiên cứu văn hóa của bất kỳ một tộc người nào, dù muốn hay không muốn, thì cũng đã có nói đến tri thức địa phương của các tộc người (Viện Dân tộc học, 1978, 1984). Tuy nhiên, khuôn khổ của một đề tài nghiên cứu hoặc dừng lại ở mức độ minh họa, nên những gì liên quan đến tri thức địa phương của một tộc người chỉ chiếm một vị trí khiêm tốn, như nghiên cứu luật tục (Ngô Đức Thịnh 2003). Nghiên cứu để hiểu biết toàn diện tri thức địa phương của các tộc người ở Việt Nam cần thiết phải xây dựng một dự án, với sự tham gia của các nhà

khoa học thuộc các ngành khoa học xã hội, mới có thể thực hiện được

2. Đánh giá khách quan và toàn diện những giá trị của tri thức địa phương của các tộc người thiểu số.

Do rất nhiều nguyên nhân khác nhau, nên cho đến nay việc nghiên cứu về tri thức của các tộc người thiểu số chưa có những công trình tương xứng với những giá trị mà tri thức địa phương mang lại cho đời sống của các tộc người. Tri thức địa phương của mỗi tộc người đề cập đến các khía cạnh khác nhau của đời sống cộng đồng, từ sản xuất (bao gồm trồng trọt, chăn nuôi) đến quản lý cộng đồng xã hội, chăm sóc sức khỏe..., nhưng lại không giống nhau giữa các tộc người cũng như giữa các nhóm địa phương của một tộc người. Do vậy, để có một bức tranh toàn cảnh về tri thức địa phương của một tộc người là một vấn đề không đơn giản. Sau khi đã có một bức tranh toàn cảnh về tri thức bản địa sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam, thì việc đánh giá những giá trị của tri thức địa phương trong quá khứ và những gì có thể gìn giữ trong bối cảnh hiện nay là rất cần thiết. Tuy nhiên, do tri thức bản địa gắn liền với một cộng đồng, một địa phương, nên sẽ không có sự đồng đều trong một nhận định chung về giá trị của tri thức địa phương. Mặt khác, tri thức địa phương là những tri thức được tích lũy trong quá trình lao động sản xuất, nên mang tính chủ quan, thiếu những cơ sở khoa học. Vì vậy, cần phân tích một cách nghiêm túc tính hợp lý của việc vận dụng các tri thức địa phương trong bối cảnh cụ thể. Chúng ta không tán thành quan điểm cho rằng tri thức địa phương là những gì làm nên truyền thống văn hóa của một tộc người. Và ngược lại, chúng ta cũng không đồng tình với quan điểm cho rằng tri thức địa phương không có giá trị gì, nên

cũng không cần quan tâm nghiên cứu. Một thái độ đúng mức là trân trọng những giá trị mà tri thức địa phương của các tộc người thiểu số đã góp phần ổn định phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa của một tộc người. Phải nghiêm túc xem xét những giá trị của tri thức địa phương đối với sự phát triển của một cộng đồng, để có thể vận dụng trong bối cảnh hiện nay. Hiện nay, mạng lưới y tế đã phát triển, đã làm thay đổi nhiều đến chăm sóc sức khỏe trẻ sơ sinh, thai sản, các loại bệnh. Nhưng trong nhiều trường hợp những bài thuốc chữa rắn cắn, các bệnh cảm cúm khác, vẫn được đồng bào chữa trị có hiệu quả. Khi triển khai thực hiện các chính sách phát triển kinh tế xã hội ở các tỉnh miền núi đã dẫn đến những thay đổi sâu sắc đời sống của các tộc người thiểu số, trong đó có tri thức bản địa. Mặt khác, việc quy hoạch đất rừng, việc di dân từ các địa phương khác đến, việc mở rộng mạng lưới y tế, việc nâng cao dân trí, việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất đã làm cho không gian văn hóa truyền thống không còn, làm cho tri thức địa phương không còn điều kiện để tồn tại.

3. Đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị tri thức địa phương.

Muốn bảo tồn và phát huy các giá trị của tri thức địa phương cần phải làm gì? Điều ai cũng dễ nhận thấy là muốn có tri thức địa phương và phát huy được những giá trị của chúng, trước hết, phải có không gian văn hóa truyền thống. Nhưng điều này không thể có trong bối cảnh hiện nay, khi mà địa bàn cư trú của các tộc người đã có những thay đổi. Qua kết quả nghiên cứu về tri thức địa phương của các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, chúng tôi mạnh dạn nêu một số giả pháp nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị của tri thức

địa phương trong bối cảnh hiện nay. Những đề xuất và giải pháp đó bao gồm:

Thứ nhất, xây dựng chính sách ở tầm quốc gia, hướng tới việc nghiên cứu, đánh giá vai trò của tri thức địa phương trong phát triển những giá trị chung của tri thức địa phương đối với văn hóa của một tộc người. Trên cơ sở đó có kế hoạch kết hợp với khoa học hiện đại khai thác những khía cạnh tích cực của tri thức địa phương trong việc bảo vệ môi trường, phòng chống cháy rừng, bảo vệ rừng đầu nguồn hay chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Thứ hai, nghiên cứu một cách toàn diện và hệ thống tri thức địa phương (như nghiên cứu luật tục) của các tộc người sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam. Việc nghiên cứu tri thức địa phương của các tộc người thiểu số còn góp phần nghiên cứu kho tàng và những giá trị văn hóa của các tộc người cũng là góp phần hiểu biết văn hóa Việt Nam. Đánh giá một cách khách quan và khoa học những giá trị của tri thức địa

phương trong đời sống xã hội truyền thống và những giá trị có thể kế thừa trong bối cảnh hiện nay (những kinh nghiệm trong bảo vệ rừng, chăm sóc sức khỏe...).

Thứ ba, phải biết khai thác những giá trị của tri thức địa phương của các tộc người thiểu số. Muốn vậy, phải làm cho người dân, nhất là đồng bào, hiểu biết sâu sắc hơn về những giá trị văn hóa truyền thống của mình. Kết hợp hài hòa những kiến thức của khoa học và tri thức địa phương trong hoạt động sản xuất cũng như trong đời sống xã hội (kết hợp giữa luật pháp và luật tục trong quản lý xã hội...).

Như vậy, muốn bảo tồn và phát huy các giá trị của tri thức địa phương của các tộc người thiểu số trong bối cảnh hiện nay cần thiết phải nghiên cứu để hiểu biết thấu đáo về tri thức địa phương. Từ kết quả nghiên cứu có những đánh giá đúng các giá trị, để trên cơ sở đó xây dựng một chính sách phù hợp, nhằm khai thác có hiệu quả những tri thức đó để phát triển.

PRESERVATION AND PROMOTION OF LOCAL KNOWLEDGE VALUES OF MINORITIES IN THE CURRENT CONTEXT

Ngô Văn Lê

University of Social Sciences and Humanities (VNU-HCM)

ASBTRACT

In the process of formation and development, the ethnic groups have created a cultural complex consistent with the social - economic development. Such cultural complex has contributed to creating the cultural identity of an ethnic group. On the other hand, it is the power for such ethnic group to overcome challenges. The culture of an ethnic group is dominated by natural conditions and social environment. The cultural diversity of Vietnam, in addition to differences in the origin of ethnic groups, there is a difference of the humanities ecosystem. Our article presents the preservation and promotion of cultural values of the ethnic groups (local culture, folk culture) in the current context.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phan An, 2007, *Hệ thống xã hội của người Stiêng ở Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.

- [2] Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước, 2011, *Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện công tác dân tộc năm 2011, phương hướng nhiệm vụ công tác dân tộc năm 2012*.
- [3] Nguyễn Duy Bính, 2005, *Hôn nhân và gia đình người Hoa ở Nam Bộ*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.
- [4] Nguyễn Khắc Cảnh, 1998, *Phum, sóc Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long*, NXB Giáo dục.
- [5] Bùi Minh Đạo, 2003, *Một số vấn đề giảm nghèo ở các dân tộc thiểu số Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội.
- [6] Cục Thống kê tỉnh Bình Phước, 2011, *Kết quả điều tra tình hình cơ bản hộ gia đình dân tộc thiểu số và thực trạng cơ sở hạ tầng các xã có đồng bào dân tộc thiểu số có đến 01/01/2011* (bản đánh máy).
- [7] Mạc Đường (chủ biên), 1983, *Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng*, Sở Văn hóa tỉnh Lâm Đồng.
- [8] Mạc Đường (chủ biên), 1985, *Vấn đề dân tộc ở Sông Bé*, Sở Văn hóa tỉnh Sông Bé.
- [9] Mạc Đường (chủ biên), 1991, *Vấn đề dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long*, NXB Khoa học xã hội.
- [10] Hà Quế Lâm, 2002, *Xóa đói giảm nghèo ở vùng các dân tộc thiểu số nước ta hiện nay – Thực trạng và giải pháp*, NXB Chính trị Quốc gia.
- [11] Ngô Văn Lê, Nguyễn Văn Tiệp, Nguyễn Văn Diệu, 1997, *Văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, NXB Giáo dục.
- [12] Ngô Văn Lê, 2004, *Tộc người và văn hóa tộc người*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.
- [13] Ngô Văn Lê, 2013, *Văn hóa các tộc người ở Tây Nguyên – nhìn từ khía cạnh tri thức bản địa*, Hội thảo Văn hóa Tây Nguyên, Ban Tuyên giáo Trung ương.
- [14] Ngô Văn Lê, 2013, *Research about indigenuos kknowledge of ethnic minority peoples in the Central Higland and suothern Vietnam – some theorical issues*, *Juornal pf international Culture*, The International Cultural Institute Chosun University, Gwanggju, Korea, Vol. 6-1, June, 2013
- [15] Nhiều tác giả, 2003, *Phát triển giáo dục vùng dân tộc Khmer Nam Bộ*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.
- [16] Nguyễn Tuấn Triết, 2007, *Tây Nguyên những chặng đường lịch sử – văn hóa*, NXB Khoa học Xã hội.
- [17] Võ Tấn Tú, 2010, *Hôn nhân và gia đình của người Churu ở Lâm Đồng*, Luận án tiến sĩ sử học – chuyên ngành Dân tộc học.
- [18] Võ Tấn Tú, 2009, *Tài liệu điền dã dân tộc học ở người Churu tỉnh Lâm Đồng*.